TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 388 /2018/DS-PT
Ngày: 18 / 4 /2018
Vv *"yêu cầu thực hiện thoả thuận và nghĩa vụ dân sự "*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Huyền Phương

Các Thẩm phán: 1/ Ông Lưu Ngọc Thạch
2/ Bà Trịnh Thị Ánh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Phục - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Tào Minh Quân – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/DSPT ngày 22 tháng 01 năm 2018 về việc *" yêu cầu thực hiện thoả thuận và nghĩa vụ dân sự"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 893/2017/DS-ST ngày: 15-9-2017 của Toà án nhân dân Quận A bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1435/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự :

***1. Nguyên đơn*:** Bà Đỗ Thị K, sinh năm 1919

Địa chỉ: 04 CT, PH N, quận A, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Bùi Quang Th, sinh năm 1956 - Văn bản ủy quyền ngày 21/9/2016. (Có mặt)

Địa chỉ: 159/18A BĐ, PH M, quận B, Tp.Hồ Chí Minh.

***2. Bị đơn*:** Bà Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm 1956. (Có mặt)

Địa chỉ: 08 DT, PH I, quận A, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bà T: Bà Nguyễn Thị T H, sinh năm 1978. (Có mặt)

Là người đại diện theo ủy quyền - Văn bản uỷ quyền ngày 17/4/2018

Địa chỉ: I9C /X 26 PVT, Phường N, quận G, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Người kháng cáo: Bị đơn – bà Nguyễn Thị Mộng T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 20/9/2016 của bà Đỗ Thị K và quá trình giải quyết vụ án ông Bùi Quang Th là người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Năm 1990, Bà Đỗ Thị K thuê của nhà nước căn nhà số 04 đường CT, PH N, quận A, Tp. Hồ Chí Minh, sau đó bà K mua lại căn nhà theo hợp đồng bán hóa giá nhà ngày 25/4/1991. Do bà K không biết chữ cũng như tin tưởng vào con gái nên giao tiền cho bà Nguyễn Thị Mộng T thay mặt thực hiện các thủ tục để hóa giá nhà nêu trên. Năm 1997, có người đến đòi nợ và đòi lấy nhà, khi đó Bà K mới biết bà T đã lừa dối bà để làm thủ tục đứng tên căn nhà trên rồi đem cầm cố thế chấp để vay tiền.

Năm 1998, bà K làm đơn khởi kiện bà T đòi lại 02 căn nhà 04 đường CT, PH N, quận A và 08 DT, Phường I, quận A, Tòa án TP.Hồ Chí Minh có áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời kê biên 02 căn nhà trên. Quá trình giải quyết vụ án, bà T có lời khai với nội dung thỏa thuận đồng ý chuyển trả quyền sở hữu căn nhà 04 đường CT, Phường N, quận A cho bà K. Ngày 04/10/2000 bà K rút đơn khởi kiện với nội dung: "có sự thỏa thuận là con tôi sẽ trả lại cho tôi căn nhà số 4 CT, Phường N, quận A. Thời hạn sang tên là 3 tháng tính từ khi có quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án." Tòa án Tp. Hồ Chí Minh đã đình chỉ vụ án và hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Sau đó, bà T đã bán căn nhà 08 DT, Phường I, quận A nhưng đến nay bà T vẫn chưa thực hiện thỏa thuận và nghĩa vụ chuyển quyền sở hữu như đã cam kết nên bà K khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T phải thực hiện thỏa thuận và nghĩa vụ dân sự đã cam kết là chuyển quyền sở hữu căn nhà số 04 CT, Phường N, quận A cho bà K.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Mộng T trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về nguồn gốc và quá trình thực hiện mua hóa giá căn nhà số 04 CT, Phường N, quận A. Bà trình bày bà K có làm văn tự cho đứt nhà lập ngày 16/3/1992 cho bà căn nhà trên nên sau đó bà được cấp Giấy công nhận quyền sở hữu nhà số 290/CNSH-UB ngày 20/3/1992. Trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh, bà thừa nhận có viết đơn cứu xét ngày 15/9/2000 và có lời khai xác nhận trong biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2000 với nội dung như nguyên đơn đã nêu nhưng với mục đích là để tạo điều kiện về chỗ ở cho bà K và các em chứ không có ý định giao lại quyền sở hữu cho bà K. Bà T cho rằng bà đã giao căn nhà cho bà K để ở cho đến nay là đã thực hiện nghĩa vụ cam kết. Bà T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn.

Bản án số: 893/2017/DS-ST Ngày: 15-9-2017, Toà án Nhân dân Quận A quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 91, điểm a khoản 1 Điều 92; Điều 93, 94, 95, 96, 97, Điều 210; Điều 269, 273, 277, 278, 280, 281 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 130, 132, 133, Điều 285, 288, 290, và 299 của Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ Điều 2, 6, 7, 9; Điều 26, 30, 35, 53; và Điều 105 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu của nguyên đơn:

1.1 Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị K: Buộc bà Nguyễn Thị Mộng T phải thực hiện thỏa thuận và nghĩa vụ dân sự về việc chuyển quyền sở hữu căn nhà số 04 CT, Phường N, quận A cho bà Đỗ Thị K ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Mộng T không hợp tác, bà Đỗ Thị K được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu căn nhà số 04 CT, Phường N, quận A theo quy định pháp luật.

Thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Về chi phí định giá tài sản và án phí sơ thẩm:

2.1 Nguyên đơn, bà Đỗ Thị K tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng.

2.2 Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm không giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 300.000 đồng.

2.3 Trả lại cho bà Đỗ Thị K số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0009711 ngày 06/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Tp. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2017, bị đơn – bà Nguyễn Thị Mộng T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo, bị đơn – bà Nguyễn Thị Mộng T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là bà Nguyễn Thị T H trình bày: Bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K, đề nghị sửa án sơ thẩm là vì:

1- Theo biên bản làm việc ngày 25/9/2000 tại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trước đây bà có xác nhận nội dung vì tình cảm mẹ con nên bà chỉ tự nguyện giao bà K quản lý sử dụng nhà 04 CT với điều kiện bà K phải cho bà buôn bán tại đây nên bà K rút đơn kiện.

2- Theo văn bản trả lời khiếu nại số 1921/CV-DS ngày 29/1/2000 do Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trả lời cho bà K về việc không hoà giải thành là do chờ H dẫn của Nghị Quyết 58/QH tạm thời Toà án chưa giải quyết các giao dịch dân sự trước 1/7/1991. Vì vậy việc tự nguyện của bà K và bà T là không có giá trị pháp lý.

3- Toà án cấp sơ thẩm không đưa chồng bà T tham gia tố tụng là thiếu sót vì chồng bà có sửa chữa nhà và cùng buôn bán chung với bà T. Đồng thời vụ án này năm 2000 Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cũng không đưa chồng bà T tham gia tố tụng là thiếu sót nên việc bà T tự nguyện giao nhà cho bà K cũng không đảm bảo pháp lý.

4- Toà án cấp sơ thẩm không đưa hai người con của bà K đang sống trong căn nhà này vào tham gia tố tụng là có thiếu sót.

5- Do bà K lớn tuổi, trí óc không còn minh mẫn nên việc khởi kiện và uỷ quyền của bà K là không đảm bảo tính pháp lý.

Đại diện nguyên đơn trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn và các ý kiến trình bày của đại diện bà T vì:

1- Văn bản ngày 25/9/2000 do Toà án Thành phố lập theo yêu cầu của bà T, nội dung thể hiện bà T tự nguyện chuyển quyền sở hữu nhà 04 CT cho bà K sau 03 tháng.

2- Toà án các cấp không đưa chồng bà T vào tham gia tố tụng vì đây là tài sản của bà K cho riêng bà T.

3- Việc bị đơn khai chồng bà T sửa chữa nhà là không có căn cứ vì trên thực tế không có việc sửa chữa và bị đơn không có chứng cứ chứng minh.

4- Toà sơ thẩm không đưa những người con của bà K vào tham gia tố tụng vì những người này mất năng lực hành vi dân sự. Đồng thời, bà K mua nhà hoá giá theo NĐ 61/CP, là tài sản của bà K cho bà T, chồng bà K đã chết trước đó nên không phải là di sản thừa kế nên không phải đưa những người này vào tham gia tố tụng.

5- Bà K là người có đủ năng lực hành vi dân sự, hợp đồng uỷ quyền do công chứng viên chứng nhận là đảm bảo về mặt pháp lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về hình thức:

Từ khi thụ lý giải quyết vụ án phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được thực hiện các quyền và chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về thời hạn kháng cáo:

Tòa án nhân dân quận A đưa vụ án ra xét xử ngày 15/9/2017 đến ngày 26/9/2017 bà T có đơn kháng cáo, kháng cáo trong hạn luật định.

Về nội dung kháng cáo: Việc thoả thuận của bà K và bà T năm 2000 tại Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là tự nguyện không trái pháp luật. Bà K đã thực hiện việc giải tỏa biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với 02 căn nhà là số 04 CT và số 08 DT và tạo điều kiện cho bà T buôn bán trước cửa nhà. Bà T không thực hiện nghĩa vụ đã cam kết chuyển tên sở hữu cho bà K. Việc Toà án không đưa chồng bà T và những người đang cư trú trong nhà là có căn cứ, đúng pháp luật.

- Về án phí DSST Toà án sơ thẩm thụ lý vụ án ngày 7/10/2016 nên áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí năm 2009 thì bà T phải chịu án phí không giá nghạch là 200.000 đồng, án sơ thẩm tuyên là 300.000 đồng là chưa chính xác. Đề nghị sửa một phần về án phí.

Đề nghị: Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đề nghị hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hạn kháng cáo:

Tòa án nhân dân quận A đưa vụ án ra xét xử ngày 15/9/2017 đến ngày 26/9/2017 bị đơn – bà Nguyễn Thị Mộng T có đơn kháng cáo, như vậy căn cứ Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 kháng cáo của bà Hợi còn trong hạn luật định nên được xem xét phúc thẩm.

- Xét thấy chồng của bà Đỗ Thị K là ông Nguyễn Dự T đã chết năm 1984. Năm 1990, bà K ký hợp đồng thuê nhà số 1283 với Công ty Xây dựng và dịch vụ nhà Quận A đối với căn nhà số 132/5 CT PH N Quận A (số mới là 04 CT PH N Quận A). Năm 1991, bà K mua hoá giá nhà thuộc sở hữu nhà nước theo nghị định 61/CP và theo hợp đồng bán hoá giá nhà số 80/HĐBHGN ngày 25/4/1991 nên toà án sơ thẩm không đưa các con của bà K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

- Xét thấy tại văn bản cho đứt nhà ngày 16/3/1992 của bà Đỗ Thị K cho bà Nguyễn Thị Mộng T, thể hiện căn nhà trên được bà K cho riêng con gái là bà T, không cho con rể nên Toà sơ thẩm không đưa chồng bà T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

- *Xét phạm vi giải quyết của vụ án:* Đại diện nguyên đơn xác định chỉ yêu cầu bà T thực hiện thỏa thuận và nghĩa vụ dân sự đã cam kết là chuyển quyền sở hữu nhà. Hội đồng xét xử, nhận thấy đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên phạm vi giải quyết vụ án là trong phạm vi yêu cầu của nguyên đơn như cấp sơ thẩm nhận định là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Mộng T

Bà T thừa nhận có tự nguyện cam kết với bà K đồng thời bà K đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ dân sự như thỏa thuận. Tuy nhiên, bà T cho rằng thỏa thuận này là trái pháp luật nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không công nhận nên bà T không có nghĩa vụ thực hiện thỏa thuận này.

Hội đồng xét xử xét thấy: Năm 1998, bà K khởi kiện bà T đòi lại 02 căn nhà số 04 CT, PH N, quận A và số 08 DT, PH I, quận A, đồng thời yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời kê biên hai căn nhà này. Quá trình giải quyết vụ án, bà T có đơn gửi Tòa án Tp. Hồ Chí Minh ngày 15/9/2000 và lời khai ngày 25/9/2000 với nội dung *" Sau thời gian suy nghĩ tôi đồng ý trả cho bà Đỗ Thị K căn nhà mang số 04 CT PH N, quận A. Thời gian trả là 03 tháng. Trong thời gian này tôi sẽ chuyển trả quyền sở hữu sang cho bà Đỗ Thị K, tôi yêu cầu TAND TP. Hồ Chí Minh giải toả quyết định kê biên đối với hai căn nhà số 04 Cao Thắn, PH N Quận A và số 08 DT PH I Quận A vì bà Đỗ Thị K đã rút đơn kiện đòi lại nhà...*" Theo các nội dung bà T cam kết thì bà T đồng ý giao căn nhà số 04 CT, PH N, quận A và chuyển trả quyền sở hữu căn nhà trên cho bà K với điều kiện bà K phải rút đơn khởi kiện và yêu cầu hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Thực hiện thỏa thuận, ngày 04/10/2000 bà K rút

đơn khởi kiện và có đơn yêu cầu hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, Tòa án Tp. Hồ Chí Minh đã đình chỉ vụ án số 1545/ĐCDSST ngày 6/10/2000 và hủy bỏ quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Sau khi bà K thực hiện đầy đủ nghĩa vụ dân sự đã thỏa thuận, bà T đã bán căn nhà số 08 DT, PH I, quận A. Đến nay bà T vẫn không thực hiện thỏa thuận và nghĩa vụ dân sự đã cam kết là chuyển quyền sở hữu căn nhà 04 CT trên cho bà K. Thoả thuận dân sự giữa bà K và bà T không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, Bà K và bà T đều có năng lực hành vi dân sự, tự nguyện thỏa thuận, không bị lừa dối, ép buộc, phù hợp theo quy định tại Điều 130, 132, 133, và 288 Bộ luật dân sự năm 1995. Thoả thuận của các đương sự là hợp pháp nên có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ giữa các bên. Đồng thời, tại thời điểm năm 2000 các giao dịch dân sự được xác lập trước ngày 01/7/1991 thì tạm thời chưa giải quyết theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 58 của Ủy ban TH vụ Quốc hội nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không ra quyết định công nhận thỏa thuận giữa bà K và bà T. Qui định này không làm mất đi quyền tự thoả thuận của các đương sự. Bà K đã thực hiện nghĩa vụ như thoả thuận, bà T đã vi phạm thỏa thuận và nghĩa vụ đã cam kết nên yêu cầu khởi kiện của bà K là có cơ sở để chấp nhận.

Xét, quan điểm đại diện của bà T tại phiên toà phúc thẩm cho rằng toà án cấp sơ thẩm không đưa chồng bà T tham gia tố tụng là thiếu sót vì chồng bà có sửa chữa nhà và cùng buôn bán chung với bà T. Đồng thời vụ án này trước đây năm 2000 toà án cũng không đưa chồng bà T tham gia tố tụng là thiều sót nên việc bà T tự nguyện cũng không đảm bảo pháp lý. Quan điểm này là không có căn cứ vì căn nhà là tài sản bà K cho riêng bà T và chính bà T cũng xác định không có yêu cầu này tại phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời khai này và xác định chỉ trình bày chứ không yêu cầu gì.

Đồng thời, hội đồng xét xử cũng không chấp nhận quan điểm đại diện bà T cho rằng Toà án cấp sơ thẩm có thiếu sót không đưa hai người con của bà K đang sống trong căn nhà này vào tham gia tố tụng. Bởi lẽ yêu cầu khởi kiện của bà K là yêu cầu thực hiện nghĩa vụ dân sự, buộc bà T thực hiện hành vi chuyển tên sở hữu nhà cho bà K. Yêu cầu này không liên quan gì đến những người thực tế cư trú trong nhà đồng thời phía bà T cũng không có yêu cầu phản tố nào khác trong vụ án này.

Việc đại diện của bà T cho rằng do bà K lớn tuổi, trí óc không còn minh mẫn nên việc khởi kiện và uỷ quyền của bà K là không đảm bảo tính pháp lý là cũng không có căn cứ pháp lý vì bà K là người có đủ năng lực hành vi dân sự và việc uỷ quyền đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo qui định của pháp luật.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, kháng cáo của bà T là không có cơ sở chấp nhận.

[3]Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm

- Phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng, do nguyên đơn tự nguyện chịu theo quy định Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện được chấp nhận;

- Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm không giá ngạch đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận; Toà án sơ thẩm thụ lý vụ án ngày 7/10/2016 nhưng đến ngày 15/9/2017 mới được giải quyết, căn cứ vào Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội thì phải áp dụng Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, bà T phải chịu án phí không giá nghạch là 200.000 đồng, án sơ thẩm tuyên là 300.000 đồng là chưa chính xác.

Từ những nhận định trên và thống nhất với ý kiến đề nghị của Viện Kiểm Sát sửa một phần về án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa một phần về án phí của bản án dân sự sơ thẩm nên căn cứ khoản 2 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự, người kháng cáo không phải chịu án phí DSPT, bà T đươc hoàn lại án phí DSPT đã tạm nộp.

Từ nhận định trên:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 36, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 91, điểm a khoản 1 Điều 92; Điều 93, 94, 95, 96, 97, Điều 210; Điều 269, 273, 277, 278, 280, 281 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 130, 132, 133, Điều 285, 288, 290, và 299 của Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ Điều 2, 6, 7, 9; Điều 26, 30, 35, 53; và Điều 105 của Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Ngyễn Thị Mộng T, sửa một phần bản án sơ thẩm số: 893/2017/DS-ST ngày: 15-9-2017 của Toà án nhân dân Quận A.

1. *Đối với yêu cầu của nguyên đơn:*

1.1 Chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị K: Buộc bà Nguyễn Thị Mộng T phải thực hiện thỏa thuận và nghĩa vụ dân sự về việc chuyển quyền sở hữu căn nhà số 04 CT, PH N, quận A cho bà Đỗ Thị K ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Trường hợp bà Nguyễn Thị Mộng T không thực hiện, bà Đỗ Thị K được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển quyền sở hữu căn nhà số 04 CT, PH N, quận A theo quy định pháp luật.

Các bên thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Về chi phí định giá tài sản và án phí:

2.1 Nguyên đơn, bà Đỗ Thị K tự nguyện chịu chi phí định giá tài sản là 2.000.000 đồng.

2.2 Án phí dân sự sơ thẩm

- Bà Nguyễn Thị Mộng T phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Đỗ Thị K số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 10.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0009711 ngày 06/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận A, Tp. Hồ Chí Minh.

2.3 Án phí dân sự phúc thẩm

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Mộng T 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm mà bà T đã tạm nộp theo biên lai thu số AC/2012/08838 ngày 03/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận A.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND quận A;
- Chi cục THADS ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Huyền Phương